

Số: 101/BC-PGDĐT

Mỹ Tú, ngày 18 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết học kỳ I năm học 2024-2025 và nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II năm học 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng.

Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo sơ kết học kỳ I và định hướng nhiệm vụ trọng tâm trong học kỳ II năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. Khái quát đặc điểm, tình hình và bối cảnh thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2024-2025

1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học 2024 - 2025, toàn ngành có 1.302 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và nhân viên (NV), trong đó 75 CBQL (mầm non 24, tiểu học 36, trung học cơ sở 15), có 1.055 giáo viên, biên chế 1.042 (mầm non 219, tiểu học 575, trung học cơ sở 248), hợp đồng 13 (mầm non 11, tiểu học 02); nhân viên chuyên môn 79 và nhân viên hợp đồng hỗ trợ, phục vụ 97.

Hiện nay, 100% CBQL của ngành đạt trình độ chuẩn; có 02/75 CBQL đạt trình độ trên chuẩn (tỷ lệ 2,67%). GV đạt chuẩn (tính trên số biên chế): 1.010/1.055 (tỷ lệ 95,73%); trên chuẩn: 04/1.055 (tỷ lệ 0,38%). Toàn ngành còn 45/1.055 GV chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 (tỷ lệ 4,27%). Hiện nay, đội ngũ GV của ngành đang tích cực học tập để đạt chuẩn theo quy định.

Tình hình đội ngũ tương đối ổn định; cán bộ, giáo viên nỗ lực, phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học, thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành.

2. Mạng lưới trường, lớp, học sinh các cấp học

Đến cuối học kỳ I, năm học 2024-2025 toàn huyện có 38 trường, trong đó: Mầm non: 09 trường và 03 nhóm trẻ độc lập; Tiểu học: 17 trường, Trung học cơ sở: 07 trường, Trung học phổ thông: 05 trường (trực thuộc Sở).

- Tổng số lớp có lớp, trong đó: Mầm non: 117 lớp (công lập: 112, tư thục: 05); Tiểu học: 310 lớp; THCS: 165 lớp, THPT 72.

- Tổng số học sinh cuối học kỳ I: 21.259 học sinh. Trong đó: Mầm non 3.239

cháu (trẻ Mẫu giáo 3.033 cháu, trẻ nhà trẻ 206 cháu); Tiểu học: 8.693 học sinh; Trung học cơ sở: 6.433 học sinh; THPT: 2.894 học sinh.

Trong học kỳ I năm học 2024-2025 có 18 học sinh bỏ học, tỷ lệ 0,08% (so cùng kỳ năm trước học sinh bỏ học tăng 0,01%). Số học sinh ra lớp, chuyển đến 288; số học sinh rời khỏi địa phương 53, chết 01, chuyển trường đi 94; chuyển sang học nghề 13. Tổng số học sinh so với đầu năm học tăng 108 học sinh ở các cấp học nhưng chủ yếu tăng ở cấp học mầm non.

3. Thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi

Năm học 2024-2025, ngành GDĐT huyện tiếp tục nhận được sự chỉ đạo và quan tâm của Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, Sở GDĐT tỉnh Sóc Trăng cùng với sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong huyện đã tạo nên sức mạnh, điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục huyện nhà ngày một phát triển; được sự đồng thuận trong đội ngũ CBQL, GV, NV, học sinh và sự ủng hộ của Nhân dân. Sở GDĐT tổ chức nhiều lớp tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo ngày càng được nâng cao góp phần tạo động lực nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên đáp ứng theo yêu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

3.2. Khó khăn

Việc đầu tư cơ sở vật chất cho ngành GDĐT tuy đã được các cấp, các ngành quan tâm nhưng cũng chưa đáp ứng kịp yêu cầu nhất là theo quy định mới về tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị của trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thiếu giáo viên và nhân viên so với định mức (tiếng Anh ở cấp Tiểu học, y tế...) đã ảnh hưởng nhất định đến công tác chăm sóc sức khỏe, tổ chức hoạt động dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018.

II. Kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2024- 2025

Triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị, Thông báo số 931-TB/TU ngày 24/5/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chỉ

thị số 35/CT-TTg ngày 17/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản của các cấp về “Xây dựng trường học hạnh phúc”; Công văn số 3958/SGDDĐT-TCCB ngày 23/12/2024 của Sở GDĐT tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai thực hiện Nghị định số 124/2024/NĐ-CP và Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đến toàn thể viên chức, người lao động tại đơn vị; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Công văn hướng dẫn nhiệm vụ năm học các cấp học của Sở GDĐT tỉnh Sóc Trăng, Phòng GDĐT đã ban hành Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục dân tộc và giáo dục thường xuyên triển khai đến các đơn vị trường học. Đồng thời, Phòng GDĐT đã tham mưu UBND huyện chỉ đạo các trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch năm học mới, thực hiện tốt các hoạt động giáo dục do ngành tổ chức, công nghệ thông tin, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của các Trung tâm học tập cộng đồng năm học 2024 - 2025 đến tất cả các đơn vị; tổ chức họp Hiệu trưởng đầu năm học.

1.2. Kết quả thực hiện công tác đổi mới quản trị trường học; công tác thực hiện dân chủ cơ sở

Trong học kỳ I, Phòng GDĐT phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, về công tác quản trị trường học, về tài chính để giúp các trường tổ chức, quản lý hành chính nhà trường theo hướng coi trọng phân công; quản lý tài chính và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường trên cơ sở coi trọng tự đánh giá mức độ đạt được chất lượng và chủ động tham gia quá trình kiểm định chất lượng nhà trường, sử dụng kết quả tự đánh giá và kiểm định để cải tiến chất lượng nhà trường.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT về ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Các trường xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024 - 2025 và triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh trong đơn vị để tổ chức thực hiện. Các trường tổ chức Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động vào đầu năm học để thảo luận các chỉ tiêu cho từng hoạt động giáo dục; các quy chế làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế xét thi đua... trong năm học của đơn vị, từ đó thống nhất đưa vào Nghị quyết năm học 2024-2025; đồng thời ban hành Kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025 theo hướng dẫn tại Thông tư trên.

Tiếp tục thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh thông qua các mô hình do các trường học đề ra và thực hiện có hiệu quả cụ

thể: toàn ngành GDĐT huyện đã vận động quyền góp ủng hộ đồng bào phía Bắc bị thiệt hại do cơn bão số 3 với số tiền trên 500 triệu đồng và ủng hộ 1 ngày lương Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo ...

1.3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển đảng viên trong đội ngũ học sinh và giáo viên năm học 2024-2025

Tiếp tục triển khai Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”; Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hoá học đường và Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện ủy Mỹ Tú tổ chức các lớp sinh hoạt chính trị hè năm 2024 cho cán bộ quản lý, giáo viên ngành GDĐT, số lượng tham gia học tập là 1.338/1.359 người, chiếm tỷ lệ 98,5%.

Ban hành các văn bản về giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Kế hoạch về công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024 của ngành Giáo dục huyện; Kế hoạch về hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024-2025 về công tác pháp chế; Công văn về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024, Công văn về việc tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2024.

Chỉ đạo các trường luôn chú trọng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong đơn vị; tiếp tục thực hiện có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, Phòng GDĐT đã mời báo cáo viên của Sở GDĐT triển khai tập huấn về thực hiện văn hóa ứng xử, phòng chống bạo lực học đường, an toàn giao thông và xâm hại tình dục trẻ em cho hơn 120 cán bộ quản lý, chủ tịch công đoàn, TPT Đội trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện tham dự. Phòng GDĐT cũng đã phối hợp với Công an huyện tổ chức ký cam kết an toàn giao thông cho cán bộ quản lý giáo dục và chỉ đạo các đơn vị tổ chức cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh ký cam kết thực hiện. Các trường cũng đã thường xuyên giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường; triển khai đến học sinh bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, phòng chống tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật của học sinh.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống được các trường học triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: Thường xuyên tuyên truyền về an toàn giao thông trong dịp Lễ 30/4 và Quốc tế Lao động 01/5; thực hiện chương trình phát động toàn dân luyện tập môn bơi và phòng, chống đuối nước

trẻ em cũng như tăng cường công tác phòng chống tai nạn đuối nước trẻ em . Tổ chức một số cuộc thi giúp học sinh phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà đức, trí, thể mỹ....

Kết quả đạt được đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh: không có học sinh vi phạm Luật giao thông đường bộ, tệ nạn xã hội; học sinh bị kỷ luật vì gây gỗ, đánh nhau trong và ngoài nhà trường (chỉ có hiện tượng còn gây gỗ với nhau nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật); học sinh tai nạn giao thông, đuối nước.

Công tác phát triển đảng viên trong trường học được các Chi bộ nhà trường chú trọng, quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tính đến cuối học kỳ I năm học 2024-2025, toàn ngành Giáo dục và Đào tạo đã phát triển đảng cho 962/1.196, tỷ lệ 80,43%.

1.4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT 2018; việc bảo quản, khai thác và sử dụng thiết bị trong dạy học

- Về đầu tư cơ sở vật chất

Trong học kỳ I ngành GDĐT được UBND tỉnh, huyện quan tâm phân bổ kinh phí giúp ngành tập trung duy tu, sửa chữa: Tường rào, cổng rào, sân nền, nhà vệ sinh, các hạng mục khác và làm mới các phòng học cho các trường với tổng kinh phí 7.002.577.000 đồng.

Trong năm học có 4 công trình đầu tư xây dựng mới là Trường Tiểu học Mỹ Phước E với tổng số tiền 14.979.000.000 đồng, Trường Tiểu học Mỹ Phước D với tổng số tiền 14.997.000.000 đồng, Trường THCS Hưng Phú với tổng số tiền 7.550.000.000 đồng, Trường THCS Mỹ Phước A với số tiền 14.700.000.000 đồng. Tổng cộng 52.226.000.000đ.

- Về mua sắm:

+ Thực hiện mua sách giáo khoa, sách giáo viên lớp 5 và lớp 9 với số tiền 89.696.000 đồng. Trong đó có 10% cho học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn mượn.

+ Mua sắm trang thiết bị, tài sản văn phòng và dạy học cho các trường với số tiền 6.117.660.000 đồng;

+ Mua sắm cho các trường về việc trang bị thư viện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 22/11/2022 Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Với số tiền 3.761.148.500 đồng;

+ Mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu chương trình giáo dục phổ thông 2018 lớp 3; lớp 7 với số tiền 10.120.000.000 đồng, nguồn vốn đầu tư: Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết.

+ Mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu chương trình giáo dục phổ thông 2018 lớp 4; lớp 8 với số tiền 10.000.000.000 đồng. Nguồn vốn đầu tư: Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Dự kiến giai đoạn 2024-2025.

+ Mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu chương trình giáo dục phổ thông

2018 lớp 5; lớp 9 với số tiền 10.000.000.000 đồng. Nguồn vốn đầu tư: Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Dự kiến giai đoạn 2024-2025.

Các đơn vị trường học thực hiện việc quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học tại đơn vị theo đúng qui định để đảm bảo trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập ở tất cả các môn, các khối lớp.

1.5. Những kế hoạch và nội dung, hình thức triển khai trong công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh; công tác đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và các hoạt động giáo dục đối với học sinh trung học cơ sở. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; đổi mới nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục hướng nghiệp trong các môn học đối với học sinh Trung học cơ sở, cụ thể:

- Đối với chương trình giáo dục phổ thông mới 2018: chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình các môn học và hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục STEM trong chương trình phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của địa phương, đáp ứng thị trường lao động, chuẩn bị điều kiện đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Các trường THCS trên địa bàn phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức tư vấn giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp THCS vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã phân công giáo viên đảm nhận các nội dung hoạt động theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại đơn vị.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập:

- UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GDĐT phối hợp với Hội khuyến học huyện tổ chức đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” năm 2024.

- Công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời tại các trường được chú trọng.

- Một số Trung tâm học tập cộng đồng của xã, thị trấn thực hiện tốt công tác phối hợp, liên kết giữa các ngành, tổ chức, đơn vị, các trường.... để tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được quan tâm nhằm thúc đẩy việc học tập trong mỗi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện.

1.6. Việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giảng dạy, học tập tại đơn vị

Phòng GDĐT tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số của ngành Giáo dục đến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của các trường trên địa bàn huyện.

Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, hồ sơ chuyên môn; ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, Zalo, email, ứng dụng trên thiết bị di động và công nghệ thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

Triển khai dự án ứng dụng CNTT trong kiểm định chất lượng giáo dục bằng hình thức quản lý, khai báo trực tuyến, đến nay hệ thống đã được hoàn thiện và 33/33 trường (trực thuộc UBND huyện) đạt tỉ lệ 100% trường học trên địa bàn toàn huyện được cấp tài khoản và đưa vào sử dụng. Các phần mềm đã và đang sử dụng trong công tác quản lý: Kế toán MISA, quản lý tài sản MISA; hệ thống quản lý và điều hành văn bản; phổ cập giáo dục; quản lý điểm trên SMAS; thu học phí không dùng tiền mặt; quản lý trường học, Thư viện số, thư viện điện tử, quản lý thiết bị, phần mềm số hóa minh chứng kiểm định chất lượng.... và các phần mềm đang sử dụng trong các hoạt động dạy học: Zoom Meeting; Google Meet; Microsoft Teams; OLM; Elearning.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Kết quả hoạt động chuyên môn, xếp loại chất lượng giáo dục

2.1.1. Cấp học mầm non

Việc triển khai chương trình giáo dục mầm non (GDMN) sau chỉnh sửa, bổ sung tại đơn vị: chỉ đạo, triển khai, thực hiện đồng bộ chương trình giáo dục mầm non sau chỉnh sửa bổ sung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDĐT ngày 13/04/2021 Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên mầm non của ngành; tổ chức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả.

Việc thực hiện các chuyên đề trong trường mầm non: Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; tích hợp nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong giáo dục mầm non; Xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích, vệ sinh an toàn thực phẩm các bếp ăn; phòng, chống bạo hành trong các cơ sở GDMN theo đúng chỉ đạo của Sở GDĐT.

Tham gia các lớp tập huấn do Sở GDĐT Sóc Trăng tổ chức và triển khai tập huấn tại huyện đầy đủ, kịp thời.

Chỉ đạo thực hiện nội dung chăm sóc sức khỏe trẻ trong trường mầm non theo quy định, 100% trẻ được đảm bảo an toàn. Trẻ được khám sức khỏe định kỳ và cân, đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, theo quy định.

Kết quả chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ:

- Nhà trẻ: trẻ cân nặng bình thường tỷ lệ 98,05%; suy dinh dưỡng vừa tỷ lệ 0,49%, béo phì tỷ lệ 1,46%. So cùng kỳ nhà trẻ cân nặng bình thường tăng 1,8%; suy dinh dưỡng vừa tăng 0,49%; béo phì giảm 2,14%.

- Mẫu giáo: trẻ cân nặng bình thường tỷ lệ 92,77%; suy dinh dưỡng vừa tỷ lệ 1,43%, béo phì tỷ lệ 5,8%. So cùng kỳ nhà trẻ cân nặng bình thường giảm 0,5%; suy dinh dưỡng vừa giảm 0,8%; béo phì giảm 6,8%.

Phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình. Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì có chế độ dinh dưỡng hợp lý.

2.1.2. Cấp Tiểu học

Hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục tiểu học.

Tham gia tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 5 và sách Giáo dục địa phương tỉnh Sóc Trăng lớp 5, triển khai dạy và học chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 5 trong học kỳ I đảm bảo theo quy định.

Tổ chức các lớp tập huấn cấp huyện: Hướng dẫn dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt, ...

- Kết quả học tập trong học kỳ I năm học 2024-2025

Kết quả học tập	Tổng số HS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ
1. Tiếng Việt	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	4.015	870	52,03	813	45,88	799	45,37	739	42,82	794	45,06
Hoàn thành	4.415	702	41,99	886	50,00	925	52,53	957	55,45	945	53,63
Chưa hoàn thành	263	100	5,98	73	4,12	37	2,10	30	1,74	23	1,31
2. Toán	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	4.039	966	57,78	882	49,77	712	40,43	780	45,19	699	39,67
Hoàn thành	4.404	630	37,68	841	47,46	1.001	56,84	915	53,01	1.017	57,72
Chưa hoàn thành	250	76	4,55	49	2,77	48	2,73	31	1,80	46	2,61
3. Đạo đức	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	5.564	999	59,75	1.118	63,09	1.149	65,25	1.151	66,69	1.147	65,10
Hoàn thành	3.124	671	40,13	652	36,79	612	34,75	574	33,26	615	34,90
Chưa hoàn thành	5	2	0,12	2	0,11		-	1	0,06		-
4. Tự nhiên và Xã hội	5.205	1.672		1.772		1.761					
Hoàn thành tốt	2.984	1.004	60,05	944	53,27	1.036	58,83				
Hoàn thành	2.211	665	39,77	824	46,50	722	41,00				
Chưa hoàn thành	10	3	0,18	4	0,23	3	0,17				
5. Khoa học	3.488							1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	1.609							753	43,63	856	48,58
Hoàn thành	1.847							955	55,33	892	50,62

<i>Kết quả học tập</i>	Tổng số HS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ
Chưa hoàn thành	32							18	1,04	14	0,79
6. LS&ĐL	3.488							1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	1.367							661	38,30	706	40,07
Hoàn thành	2.077							1.038	60,14	1.039	58,97
Chưa hoàn thành	44							27	1,56	17	0,96
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	4.756	935	55,92	993	56,04	898	50,99	967	56,03	963	54,65
Hoàn thành	3.936	737	44,08	778	43,91	863	49,01	759	43,97	799	45,35
Chưa hoàn thành	1		-	1	0,06		-		-		-
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	4.568	892	53,35	915	51,64	901	51,16	932	54,00	928	52,67
Hoàn thành	4.121	779	46,59	856	48,31	858	48,72	794	46,00	834	47,33
Chưa hoàn thành	4	1	0,06	1	0,06	2	0,11		-		-
9. Hoạt động trải nghiệm	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	5.222	1.020	61,00	1.016	57,34	1.074	60,99	1.048	60,72	1.064	60,39
Hoàn thành	3.460	647	38,70	754	42,55	687	39,01	677	39,22	695	39,44
Chưa hoàn thành	11	5	0,30	2	0,11		-	1	0,06	3	0,17
10. Giáo dục thể chất	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	4.952	918	54,90	1.010	57,00	1.013	57,52	1.019	59,04	992	56,30
Hoàn thành	3.740	754	45,10	761	42,95	748	42,48	707	40,96	770	43,70
Chưa hoàn thành	1		-	1	0,06		-		-		-
11. TH-CN (Công nghệ)	5.249					1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	2.559					942	53,49	750	43,45	867	49,21
Hoàn thành	2.667					811	46,05	965	55,91	891	50,57
Chưa hoàn thành	23					8	0,45	11	0,64	4	0,23
12. TH-CN (Tin học)	5.548	152		147		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	2.713	60		89	60,54	868	49,29	814	47,16	882	50,06
Hoàn thành	2.819	92		58	39,46	887	50,37	907	52,55	875	49,66
Chưa hoàn thành	16				-	6	0,34	5	0,29	5	0,28
13. Ngoại ngữ	5.399	84		66		1.761		1.726		1.762	
Hoàn thành tốt	1.925	41		40		666	37,82	588	34,07	590	33,48
Hoàn thành	3.389	43		26		1.067	60,59	1.109	64,25	1.144	64,93
Chưa hoàn thành	85					28	1,59	29	1,68	28	1,59
14. Tiếng dân tộc	2.600	477		536		527		525		535	
Hoàn thành tốt	685	158	33,12	159	29,66	143	27,13	127	24,19	98	18,32
Hoàn thành	1.824	287	60,17	358	66,79	369	70,02	382	72,76	428	80,00

<i>Kết quả học tập</i>	Tổng số HS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ
Chưa hoàn thành	91	32	6,71	19	3,54	15	2,85	16	3,05	9	1,68
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.266	981	58,67	1.062	59,93	1.086	61,67	1.080	62,57	1.057	59,99
Đạt	3.354	652	39,00	695	39,22	666	37,82	638	36,96	703	39,90
Cần cố gắng	73	39	2,33	15	0,85	9	0,51	8	0,46	2	0,11
Giao tiếp và hợp tác	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.441	1.018	60,89	1.099	62,02	1.119	63,54	1.101	63,79	1.104	62,66
Đạt	3.213	635	37,98	665	37,53	633	35,95	623	36,10	657	37,29
Cần cố gắng	39	19	1,14	8	0,45	9	0,51	2	0,12	1	0,06
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	4.907	926	55,38	975	55,02	1.046	59,40	987	57,18	973	55,22
Đạt	3.706	710	42,46	775	43,74	705	40,03	728	42,18	788	44,72
Cần cố gắng	80	36	2,15	22	1,24	10	0,57	11	0,64	1	0,06
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.386	984	58,85	1.070	60,38	1.108	62,92	1.084	62,80	1.140	64,70
Đạt	3.218	645	38,58	680	38,37	642	36,46	634	36,73	617	35,02
Cần cố gắng	89	43	2,57	22	1,24	11	0,62	8	0,46	5	0,28
Tính toán	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	4.906	968	57,89	1.027	57,96	996	56,56	976	56,55	939	53,29
Đạt	3.675	650	38,88	725	40,91	751	42,65	737	42,70	812	46,08
Cần cố gắng	112	54	3,23	20	1,13	14	0,80	13	0,75	11	0,62
Tin học	5.249					1.761		1.726		1.762	
Tốt	3.061					1.073	60,93	966	55,97	1.022	58,00
Đạt	2.177					679	38,56	759	43,97	739	41,94
Cần cố gắng	11					9	0,51	1	0,06	1	0,06
Công nghệ	5.249					1.761		1.726		1.762	
Tốt	3.064					1.087	61,73	969	56,14	1.008	57,21
Đạt	2.173					666	37,82	754	43,68	753	42,74
Cần cố gắng	12					8	0,45	3	0,17	1	0,06
Khoa học	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.187	991	59,27	1.023	57,73	1.084	61,56	1.042	60,37	1.047	59,42
Đạt	3.479	674	40,31	743	41,93	669	37,99	679	39,34	714	40,52
Cần cố gắng	27	7	0,42	6	0,34	8	0,45	5	0,29	1	0,06
Thẩm mĩ	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.251	985	58,91	1.048	59,14	1.102	62,58	1.066	61,76	1.050	59,59

<i>Kết quả học tập</i>	Tổng số HS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ
Đạt	3.420	679	40,61	718	40,52	652	37,02	660	38,24	711	40,35
Cần cố gắng	22	8	0,48	6	0,34	7	0,40		-	1	0,06
<i>Thể chất</i>	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.635	1.028	61,48	1.141	64,39	1.166	66,21	1.126	65,24	1.174	66,63
Đạt	3.040	639	38,22	626	35,33	588	33,39	600	34,76	587	33,31
Cần cố gắng	18	5	0,30	5	0,28	7	0,40		-	1	0,06
<i>III. Phẩm chất chủ yếu</i>											
<i>Yêu nước</i>	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	6.694	1.216	72,73	1.394	78,67	1.365	77,51	1.344	77,87	1.375	78,04
Đạt	1.988	453	27,09	378	21,33	389	22,09	382	22,13	386	21,91
Cần cố gắng	11	3	0,18		-	7	0,40		-	1	0,06
<i>Nhân ái</i>	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	6.481	1.197	71,59	1.358	76,64	1.308	74,28	1.288	74,62	1.330	75,48
Đạt	2.200	472	28,23	414	23,36	446	25,33	438	25,38	430	24,40
Cần cố gắng	12	3	0,18		-	7	0,40		-	2	0,11
<i>Chăm chỉ</i>	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.495	1.040	62,20	1.059	59,76	1.139	64,68	1.133	65,64	1.124	63,79
Đạt	3.169	618	36,96	710	40,07	613	34,81	591	34,24	637	36,15
Cần cố gắng	29	14	0,84	3	0,17	9	0,51	2	0,12	1	0,06
<i>Trung thực</i>	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	6.295	1.172	70,10	1.263	71,28	1.268	72,00	1.303	75,49	1.289	73,16
Đạt	2.386	497	29,72	508	28,67	486	27,60	423	24,51	472	26,79
Cần cố gắng	12	3	0,18	1	0,06	7	0,40		-	1	0,06
<i>Trách nhiệm</i>	8.693	1.672		1.772		1.761		1.726		1.762	
Tốt	5.876	1.091	65,25	1.136	64,11	1.176	66,78	1.264	73,23	1.209	68,62
Đạt	2.796	573	34,27	634	35,78	577	32,77	461	26,71	551	31,27
Cần cố gắng	21	8	0,48	2	0,11	8	0,45	1	0,06	2	0,11
<i>VI. HS.K.Tật</i>	21	7		5		3		4		2	

2.1.3. Cấp THCS

Trong học kỳ I năm học 2024-2025, Phòng GDĐT đã xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức chuyên đề cấp huyện để các trường tổ chức thực hiện, sang học kỳ II sẽ tổ chức cấp huyện các môn học ở 03 trường theo kế hoạch của Phòng GDĐT.

Tổ chức triển khai kịp thời hướng dẫn nhiệm vụ, kế hoạch đối với giáo dục trung học theo chỉ đạo của Sở GDĐT. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn do Bộ, Sở GDĐT tổ chức; đồng thời tổ chức tập huấn chuyên môn cho các cán bộ quản lý, giáo viên các đơn vị trường học.

Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện, năm học 2024-2025, tham

gia thi cấp tỉnh.

- Kết quả chất lượng học kỳ I cấp THCS :

S TT	Khối	Tổng số HS	Kết quả Học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng cộng		6.433	1.645	25,55	2.070	32,17	2.198	34,16	357	5,54
1	Khối 6	1.870	440	23,5%	634	33,9%	633	33,9%	163	8,7%
2	Khối 7	1.982	542	27,34%	581	29,3%	693	35%	166	8,4%
3	Khối 8	1.473	361	24,5%	474	32,2%	508	34,5%	130	8,8%
4	Khối 9	1.108	302	27,3%	381	34,4%	364	32,9%	61	5,5%

S TT	Khối	Tổng số HS	Kết quả Rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng cộng		6.433	4.706	73,15	1.341	20,84	345	5,36	42	0,65
1	Khối 6	1.870	1.406	75,2%	385	20,6%	72	3,9%	7	0,4%
2	Khối 7	1.982	1.422	71,7%	397	20,03%	141	7,1%	21	1,06%
3	Khối 8	1.473	1.075	73%	311	21,1%	75	5,09%	12	0,8%
4	Khối 9	1.108	802	72,4%	247	22,3%	57	5,1%	2	0,2%

2.1.4. Giáo dục Dân tộc

- Năm học 2024 –2025 tổng số trường có dạy tiếng Khmer có 08 trường/138 lớp với 4.020 học sinh. Trong đó cấp Tiểu học có 05 trường, với lớp 97 lớp và 2.600 học sinh học tiếng Khmer. Cấp THCS có 03 trường với lớp 41 lớp và 1.420 học sinh học tiếng Khmer.

- Kết quả chất lượng giáo dục môn tiếng Khmer cuối học kỳ I:

+ Cấp Tiểu học: Hoàn thành tốt 685 học sinh, tỷ lệ 26,35%. Hoàn thành 1.824 học sinh, tỷ lệ 70,15%, chưa hoàn thành 91 học sinh, tỷ lệ 3,5%.

+ Cấp THCS: Tốt 207 học sinh, tỷ lệ 14,59%, Khá 646 học sinh, tỷ lệ 45,49%, Đạt 512 học sinh, tỷ lệ 36,05%, Chưa đạt 55 học sinh, tỷ lệ 3,87%.

2.2. Kết quả tổ chức và tham gia các cuộc thi, hội thi

2.2.1. Tổ chức các cuộc thi, hội thi

- Tổ chức kỳ thi giải Toán trên máy tính cầm tay cấp huyện: tổng số có 72 thí sinh dự thi đại diện cho 10 đơn vị THCS, THCS và THPT trong huyện tham gia. Kết quả tuyển chọn được 30 giải gồm: giải Nhất (03 giải); giải Nhì (06 giải); giải Ba (09 giải) và giải Khuyến khích (12 giải).

- Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện năm học 2024-2025, tổng số có 171 thí sinh dự thi ở 10 đơn vị có học sinh cấp THCS. Kết quả chọn 92 giải, trong đó có 11 giải Nhất, 15 giải Nhì, 26 giải Ba, 40 giải Khuyến khích. Tuyển chọn 52 học sinh dự thi cấp tỉnh.

- Tổ chức Cuộc thi tiếng Anh trên Internet vòng huyện năm học 2024-2025, tham dự có 158 học sinh tiểu học và THCS trên địa bàn. Kết quả: chọn được 35 giải (Nhất 7, Nhì 7, Ba 7 và 14 Khuyến khích)

- Tổ chức Ngày hội Stem cấp huyện. Kết quả có 24 sản phẩm thuộc 17 đơn vị đạt giải.

- Tổ chức Hội thi “Vở sạch chữ đẹp” cấp huyện năm học 2024 – 2025. Tổng số học sinh đăng ký dự thi 222 học sinh ở 17 trường tiểu học tham gia, trong đó phần thi tiếng Việt 170, phần thi tiếng Khmer 52. Kết quả chọn 25 giải cá nhân (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) và 04 giải toàn đoàn (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) phần thi tiếng Việt và 20 giải cá nhân (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) và 04 giải toàn đoàn (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) phần thi tiếng Khmer.

2.2.2. Tham gia các cuộc thi, hội thi do cấp trên tổ chức và phát động

- Cuộc thi giải Toán trên máy tính cầm tay cấp tỉnh có 06 học sinh dự thi, đạt 03 giải (2 Nhì, 1 Khuyến khích). Cuộc thi Văn hay chữ tốt cấp tỉnh năm học 2024-2025 có 06 học sinh tham gia đạt 02 giải Khuyến khích.

- Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi THCS cấp tỉnh: tham gia 16 giáo viên, kết quả đạt tỉnh công nhận danh hiệu 8/16, tỷ lệ đạt 50%.

- Hội thi giáo viên dạy giỏi Tiểu học cấp tỉnh: tham gia 15 giáo viên đạt vòng thuyết trình 09 giáo viên và tiếp tục thi vòng thực hành tiết dạy.

- Tham gia hội thi

2.3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kiện toàn bộ máy lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học và tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, nâng chuẩn năm 2024 có 02 cán bộ quản lý 26 giáo viên; tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch cho 44 Phó Hiệu trưởng và 33 giáo viên.

Tham mưu UBND huyện quy hoạch nguồn cán bộ quản lý các đơn vị trường học, cử tham gia các lớp học bồi dưỡng lý luận chính trị, thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ đảm bảo số lượng tại các đơn vị trường học. Tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị, triển khai nghị quyết, tập huấn chuyên môn đáp ứng chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

2.4. Rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền

Thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Mỹ Tú về việc sắp xếp, quy mô trường, lớp của mầm non, phổ thông công lập giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phòng GDĐT đã tổ chức rà soát và tham mưu UBND huyện thực hiện sáp nhập những đơn vị có quy mô lớp ít, có nhiều điểm lẻ tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường cũng như phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Tính đến thời điểm hiện tại toàn huyện hiện có 38 trường (so với Kế hoạch giảm 04 trường và 38 điểm lẻ, so với năm học 2022-2023 giảm 02

trường và 04 điểm lẻ).

Nhìn chung, việc phát triển mạng lưới trường, lớp của huyện phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Hàng năm, Phòng GDĐT đã tiến hành thực hiện rà soát và sắp xếp lại trường lớp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy của giáo viên và điều kiện học tập của học sinh trong năm học mới. Trong thời gian tới ngành Giáo dục tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 18/8/2022 về việc sắp xếp, quy mô trường, lớp của mầm non, phổ thông công lập giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân, bài học kinh nghiệm

3.1. Tồn tại, hạn chế

Một số đơn vị trường học còn thiếu phòng bộ môn, phòng chức năng; thiết bị dạy học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, ảnh hưởng đến mục tiêu giáo dục toàn diện. Phòng học ở các trường thuộc cấp mầm non trong huyện chưa đủ để đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của phụ huynh, hạn chế tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, nhất là đối với nhà trẻ.

Cơ sở vật chất của các trường tuy đã được quan tâm đầu tư, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

3.2. Nguyên nhân

Kinh phí địa phương có hạn phải đầu tư nhiều lĩnh vực, mặc dù đã quan tâm nhiều đến giáo dục nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về cơ sở vật chất.

Công tác phối hợp của hệ thống chính trị địa phương đối với lĩnh vực giáo dục có nơi có lúc chưa kịp thời, chưa chặt chẽ và chưa thường xuyên.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; tăng cường phối hợp tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua nghiên cứu bài học và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

Nâng cao nhận thức, quản lý, khai thác có hiệu quả, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Tăng cường công tác tham mưu UBND huyện tiếp tục quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn của các trường trên địa bàn huyện, đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giáo dục

1. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Đến thời điểm báo cáo toàn huyện có 34/38 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 89,47% (đạt 100,52% chỉ tiêu giao), cụ thể như sau:

- Cấp mầm non: 9/9, tỷ lệ 100%;
- Cấp tiểu học: 15/17, tỷ lệ 88,23%;
- Cấp THCS: 06/07 trường, tỷ lệ 85,71%;

- Cấp THPT: 04/05, tỷ lệ 80%.

Toàn huyện có 01 trường được tỉnh chuẩn quốc gia Mức độ 2 là Trường TH Mỹ Phước A.

Hiện còn 01 trường đã đề nghị công nhận chuẩn quốc gia mới chờ quyết định công nhận.

2. Huy động học sinh ra lớp

Tính đến thời điểm báo cáo số học sinh các cấp học đã huy động được 21.812/21.328 học sinh (trong đó có 416 học sinh đi học nơi khác), tỷ lệ 102,27%.

Cụ thể: Nhà trẻ 206/180, tỷ lệ 114,44%, Mẫu giáo 3.033/2.880, tỷ lệ 105,31%; tiểu học 8.791/8.678 học sinh, đạt 101,30%; THCS 6.871/6.764, tỷ lệ 101,58%, THPT 2.911/2.826 học sinh, đạt 103,01%.

- Tuyển sinh các lớp đầu cấp đạt 100%, duy trì sĩ số học sinh đạt trên 99%.

3. Phổ cập giáo dục

- Kết quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

+ Đạt chuẩn quốc gia công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ Đạt chuẩn quốc gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học Mức độ 3.

+ Đạt chuẩn quốc gia công tác phổ cập giáo dục THCS Mức độ 3: có 09/09

+ Đạt chuẩn quốc gia công tác XMC Mức độ 2.

Huyện đã đề nghị UBND tỉnh công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập Giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; PCGDTH đạt Mức độ 3, PCGDTHCS Mức độ 3 và xóa mù chữ Mức độ 2 năm 2024.

IV. Nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp triển khai kế hoạch nhiệm vụ học kỳ II năm học 2024-2025

1. Tiếp tục thực hiện chủ đề năm học 2024-2025 “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”.

2. Tiếp tục chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện Kết luận số 01 -KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; “Xây dựng trường học hạnh phúc”,...Triển khai thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa nơi cơ quan, đơn vị.

3. Triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp trên về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo; đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện hiệu quả chương trình và sách giáo khoa lớp 5,9 trong năm học 2024-2025.

4. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, bảo đảm an toàn trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh, cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Nâng cao năng lực, kiến thức ứng xử văn hóa và năng lực tổ chức văn hóa ứng xử trong trường học đến từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh trong các nhà trường. Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất, y tế trường học và sức khỏe học đường, bảo đảm an toàn trường học. Phòng chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh trong nhà trường.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị, đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát các kỳ thi, cuộc thi nhằm đảm bảo công bằng khách quan, đúng quy chế; nâng cao hiệu quả trong công tác tự đánh giá, công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

6. Đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhất là việc tham gia các khóa đào tạo nâng chuẩn về trình độ đảm bảo đội ngũ đạt chuẩn và trên chuẩn.

7. Tổ chức tốt Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi từ cấp trường đến cấp huyện; tham gia đạt kết quả tốt kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh; thực hiện tốt kế hoạch ôn tập cho học sinh lớp 9 chuẩn bị tham gia tuyển sinh vào lớp 10 đạt kết quả tốt.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo. Tăng cường công tác cải cách hành chính trong ngành; thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đối với dịch vụ công trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

9. Đổi mới công tác thông tin, truyền thông để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của xã hội, tranh thủ sự giám sát, hỗ trợ giải quyết kịp thời các vấn đề của ngành; công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT; đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả; tránh hình thức, khen thưởng không đúng người, không đúng việc.

10. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và công nhận lại các trường đạt chuẩn theo kế hoạch.

Trên đây là báo sơ kết học kỳ I năm học 2024 - 2025 và một số nhiệm vụ giải pháp chủ yếu trong học kỳ 2 năm học 2024-2025 của ngành GDĐT huyện Mỹ Tú./.

Nơi nhận:

- Huyện ủy (để báo cáo);
- UBND huyện (để báo cáo);
- BTG huyện ủy;
- Các trường trực thuộc UBND huyện;
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Minh Trí